

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **37/2025/DS-ST**

Ngày: 25/4/2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Trúc Mai**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Minh**
2. Ông **Đỗ Thanh Hiền**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm Ngọc** - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang
tham gia phiên tòa:** Bà **Lương Thị Trà My**, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 435/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/QĐXXST-DS ngày 17/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2025/QĐST-DS ngày 08/4/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần S (viết tắt Ngân hàng S1);**

Địa chỉ trụ sở chính: Số B, đường N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D.** Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Trần Minh T.** Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần S - CN Long An. Địa chỉ: Số C, đường H, Khu phố B, Phường F, TP ., tỉnh Long An (Quyết định số 3524/2023/QĐ-PC ngày

25/12/2023 về việc ủy quyền ký hợp đồng/thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng).

Người được ủy quyền lại: Chị **Đặng Thị Mỹ N.** Chức vụ: Chuyên viên Kinh doanh thẻ - Ngân hàng TMCP S – CN Long An (Giấy ủy quyền ngày 16/5/2024).

- *Bị đơn:* **Nguyễn Thị L.**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(vắng mặt chị N, chị L)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, bản tường trình ngày 16/5/2024, ngày 25/4/2025 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn và đại diện cho nguyên đơn là chị **Đặng Thị Mỹ N** trình bày:*

Năm 2017, chị Nguyễn Thị L có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng S1) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, được gọi chung là Hợp đồng) với hạn mức sử dụng là 10.000.000đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, lãi suất tại thời điểm cấp thẻ là 30%/năm (2,5%/tháng), lãi suất hiện tại là 33,2%/năm; thời hạn thanh toán: trước hoặc vào ngày đến hạn chị L phải thanh toán số tiền đến hạn hoặc số tiền tối thiểu; phương thức thanh toán: nộp tiền mặt, chuyển khoản, trích nợ tự động từ tài khoản thanh toán.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, chị L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 11.397.200đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, chị L đã không thanh toán nợ đầy đủ cho ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc trực tiếp và nhắc nhở, nhưng chị L vẫn không có thiện chí trả nợ cho ngân hàng. Ngày 30/4/2023, ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 07/5/2024, chị Nguyễn Thị L còn nợ ngân hàng tổng cộng là 12.628.105đồng, cụ thể các khoản sau.

- Dư nợ: 8.338.201đồng.
- Lãi vay: 4.289.904đồng.

* Bị đơn **Nguyễn Thị L** mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, nhiều lần tổng đạt giấy triệu tập tham dự các phiên hòa giải và công khai chứng cứ, tham dự phiên tòa sơ thẩm, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ, nhưng đến nay chị L vẫn không nộp cho Tòa án văn bản phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, nhưng có nộp Bảng tóm tắt sao kê dư nợ thẻ của Khách hàng tính đến ngày 25/4/2025 và bản tự khai ngày 25/4/2025 thể hiện ý kiến: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ tính đến ngày 25/4/2025 là **16.698.901đồng**, trong đó nợ gốc 8.338.201đồng, nợ lãi trong hạn là 5.573.800đồng và lãi quá hạn là 2.786.900đồng.

Kể từ 26/4/2025, chị L còn phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng số tiền lãi phát sinh như đôi bên đã thỏa thuận cho đến khi chị trả xong nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

- Chị L vẫn tiếp tục vắng mặt, không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ *Về tố tụng*: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã không chấp hành và không tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

+ *Về việc giải quyết vụ án*: Trên cơ sở phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, căn cứ vào các quy định pháp luật, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp*

đồng vay tài sản”, theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa (đơn đề ngày 23/4/2025); đối với bị đơn, mặc dù nhiều lần được Tòa án triệu tập hợp lệ tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị N và chị L.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Căn cứ vào nội dung trong đơn khởi kiện ngày 16/5/2024, nội dung bản tự khai ngày 25/4/2025 của nguyên đơn và các tài liệu do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định: Ngày 13/9/2017, Ngân hàng TMCP S – CN Long An và Nguyễn Thị L có ký kết với nhau Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Quá trình sử dụng thẻ, tính đến ngày 30/4/2023 thì chị L đã thanh toán cho ngân hàng A, còn nợ ngân hàng 8.338.201đồng nợ gốc và tiền lãi là 4.289.904đồng. Mặc dù nhiều lần được ngân hàng N1 và tạo điều kiện cho trả nợ, nhưng chị L không có thiện chí trả nợ (bút lục 43-46), chị L đã vi phạm nghĩa thanh toán nợ đối với ngân hàng. Tính đến ngày 25/4/2025 thì tổng số tiền mà chị L còn nợ ngân hàng là **16.698.901đồng**, trong đó nợ gốc 8.338.201đồng, nợ lãi trong hạn là 5.573.800đồng và lãi quá hạn là 2.786.900đồng. Ngân hàng yêu cầu chị L trả ngay cho ngân hàng khi bản án có hiệu lực pháp luật. Yêu cầu này của Ngân hàng là hoàn toàn phù hợp với nội dung hợp đồng mà đôi bên đã ký kết và Bảng Tóm tắt sao kê dư nợ thẻ tính đến ngày 07/5/2024 và ngày 25/4/2025.

Đối với bị đơn, xét thấy suốt quá trình giải quyết vụ án, chị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và tài liệu liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng chị không tham dự các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, cũng như không có ý kiến phản hồi đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 282, Điều 351 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 7, Điều 8, Điều 10 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số

quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, xét yêu cầu khởi kiện như trên của nguyên đơn là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

[4] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận toàn bộ.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên chị L phải chịu toàn bộ án phí theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238; Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Áp dụng Điều 463, Điều 282, Điều 351 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 7, Điều 8, Điều 10 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S đối với bị đơn Nguyễn Thị L.

Buộc Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền nợ tính đến ngày 25/4/2025 là **16.698.901 đồng (mười sáu triệu sáu trăm chín mươi tám ngàn chín trăm lẻ một đồng)**, trong đó nợ gốc là 8.338.201 đồng, nợ lãi trong hạn là 5.573.800 đồng, lãi quá hạn là 2.786.900 đồng.

Kể từ ngày 26/4/2025, Nguyễn Thị L còn phải có nghĩa vụ trả tiếp số tiền lãi theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cho đến khi chị L trả xong nợ gốc và nợ lãi cho ngân hàng.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn Nguyễn Thị L phải chịu **835.000đồng**.

H lại cho nguyên đơn số tiền **316.000đồng** theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011964 ngày 22/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3/ Về quyền kháng cáo:

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang.
- VKSND huyện Châu Thành.
- Chi cục THADS.HCT.
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

HUỲNH THỊ TRÚC MAI

